

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở khung giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định*”.

Tại Điều 3 Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 quy định: “*Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định hiện hành nhưng không được vượt quá mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định này*”.

Do đó, để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh xét thấy việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau là cần thiết và phù hợp với quy định.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG GIÁ CỤ THỂ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

Thực hiện Điều 3 Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tại Công văn số 5098/UBND-KT ngày 05/9/2021. Theo đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định, làm cơ sở xây dựng các dự thảo văn bản và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau theo quy định.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định (Sở Tư pháp đã thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 499/BC-STP ngày 02/11/2021) và trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định. Ngày 13/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã xin ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

III. GIÁ CỤ THỂ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

1. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

STT	Biện pháp công trình	Giá cụ thể (đồng/ha)
I	Đất trồng lúa 1 vụ	
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.055.000
2	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu bằng trọng lực	512.400
3	Chỉ tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực	292.800
4	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	824.000
II	Đất trồng lúa 2 vụ (lúa 2 vụ = lúa 1 vụ x 2)	
1	Tưới tiêu bằng động lực	2.110.000
2	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu bằng trọng lực	1.024.800
3	Chỉ tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực	585.600
4	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.648.000

2. Giá cụ thể đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày (40% đất trồng lúa):

STT	Biện pháp công trình	Giá cụ thể (đồng/ha/vụ)
1	Tưới tiêu bằng động lực	422.000
2	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu bằng trọng lực	204.960
3	Chỉ tạo nguồn tưới tiêu bằng trọng lực	117.120
4	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	329.600

3. Mức giá áp dụng đối với sản xuất muối (2% giá muối thành phẩm):

STT	Biện pháp công trình	Giá cụ thể (đồng)
1	Sản xuất muối (diêm nghiệp)	540.000

4. Giá cụ thể đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu:

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Giá cụ thể theo các biện pháp công trình
1	Cấp nước cho chăn nuôi		
a	Bơm	Đồng/m ³	1.320
b	Hồ đập, kênh cống	Đồng/m ³	900
2	Lợi dụng thủy triều cấp nước để nuôi trồng thủy sản	Đồng/ha/năm	1.250.000
3	Cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu (80% đối với đất trồng lúa 1 vụ, lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu bằng trọng lực)	Đồng/ha/vụ	409.920

5. Giá cụ thể tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị (5% đối với đất trồng lúa/vụ): 25.620 đồng/ha/vụ.

6. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 nêu trên là giá không có thuế giá trị gia tăng.

(Chi tiết theo Phương án giá).

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định giá cụ thể theo thẩm quyền để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; đồng thời, chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Phương án giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ năm 2021; dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và toàn bộ hồ sơ có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Phòng TH (iOffice);
- Lưu: VT, KT (Đ11.21) (01).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi